

PHÁT TRIỂN NGHỀ TRUYỀN THỐNG GẮN VỚI KINH TẾ XANH Ở TỈNH AN GIANG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ThS HUỖNH VĂN LIÊM

Học viện Chính trị khu vực IV

Ngày nhận bài: 30/12/2025; Ngày phản biện: 5/1/2026; Ngày duyệt đăng: 5/1/2026.

● **Tóm tắt:** Bài viết tập trung phân tích vai trò và tiềm năng của các nghề truyền thống ở tỉnh An Giang trong lộ trình thúc đẩy kinh tế xanh - mô hình phát triển được ưu tiên trong chiến lược tăng trưởng bền vững. Trên cơ sở chỉ rõ đặc trưng của nghề truyền thống trong sử dụng nguyên liệu tự nhiên, công nghệ sạch, phát thải thấp và có khả năng tái tạo, có nhiều đóng góp quan trọng vào quá trình chuyển đổi xanh của An Giang, bài viết chỉ rõ những thách thức, hạn chế; từ đó, đề xuất một số định hướng trong phát triển nghề truyền thống gắn với kinh tế xanh ở An Giang thời gian tới.

● **Từ khóa:** Nghề truyền thống; Kinh tế xanh; An Giang.



1. Thực trạng nghề truyền thống ở An Giang hiện nay

Từ ngày 1/7/2025, tỉnh An Giang (mới) được sáp nhập từ tỉnh Kiên Giang và An Giang, tạo thành không gian phát triển mới có nhiều tiềm năng và lợi thế. Trong khi tỉnh Kiên Giang (cũ) có thế mạnh về kinh tế biển, nông nghiệp công nghệ cao và các ngành nuôi trồng - chế biến thủy sản thì An Giang (cũ) với vị trí là tỉnh đầu nguồn của hệ thống sông Cửu Long không chỉ là một trong những vùng sản xuất lúa trọng điểm của cả nước mà còn là địa phương tiên phong trong phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tuần hoàn và các mô hình liên kết sản xuất quy mô

lớn. Trước khi sáp nhập, tỉnh An Giang có 29 làng nghề, làng nghề truyền thống đạt tiêu chí làng nghề tiểu thủ công nghiệp, trong đó có 14 làng nghề và 15 làng nghề truyền thống với 3.706 hộ sản xuất, kinh doanh. Các làng nghề tạo việc làm cho hơn 12.200 lao động, với mức thu nhập bình quân đến 8 triệu đồng/người/tháng (Quốc Phong, 2023). Là tỉnh thuần nông với sự cộng cư, sinh sống của nhiều tộc người, trong đó người Kinh, Hoa, Chăm, Khmer chiếm số lượng lớn. Từ lâu, bên cạnh nghề trồng lúa, cộng đồng, cư dân An Giang đã hình thành nghề truyền thống, điển hình là nghề dệt thổ cẩm, nghề làm đường thốt nốt, nghề làm mắm...

Nghề làm đường thốt nốt

Ở An Giang, thốt nốt được trồng nhiều ở địa bàn xã Tri Tôn và xã Tịnh Biên, trở thành nét đặc trưng riêng có của miền đất phương Nam. Với cộng đồng người Khmer vùng Bảy Núi, thốt nốt từ lâu đã trở thành nguồn tài nguyên nuôi sống nhiều thế hệ. Tất cả các bộ phận của cây thốt nốt đều được người dân tận dụng: Nước là nguyên liệu chính để nấu đường, làm bánh, kết hợp chế biến với các món ăn; thân cây được sử dụng làm đồ mỹ nghệ, trang trí nội thất; lá cây dùng làm tranh nghệ thuật hoặc vật liệu lợp nhà hay làm nón...

Nghề làm đường thốt nốt là một trong những nghề truyền thống tiêu biểu của đồng bào Khmer ở An Giang, thể hiện tinh thần sáng tạo, sự cần cù, nhẫn nại và khả năng thích ứng lâu dài với điều kiện tự nhiên của cư dân bản địa. Để tạo ra các sản phẩm từ cây thốt nốt, người Khmer phải trải qua một quá trình lao động kéo dài và đòi hỏi sự kiên trì đặc biệt.

Thời vụ khai thác nước thốt nốt thường bắt đầu từ tháng 11 âm lịch năm trước đến khoảng tháng 6 âm lịch năm sau, trong điều kiện thời tiết khô hạn, thời gian thu hoạch có thể kéo dài thêm (Trọng Tín, 2024). Đặc biệt, giai đoạn sau Tết Nguyên Đán được xem là thời điểm nước thốt nốt đạt hàm lượng đường cao nhất, cho chất lượng đường tốt nhất. Sau khi thu hoạch, nước thốt nốt phải được đưa vào chế biến ngay, nếu để lâu sẽ bị chua, ảnh hưởng đến chất lượng đường. Chất lượng đường phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm của người nấu, thể hiện khả năng cảm nhận bằng vị giác, kỹ thuật khuấy và vớt bọt liên tục trong quá trình cô đặc. Ngày nay, đồng bào Khmer đã sáng tạo thêm nhiều sản phẩm đa dạng từ cây thốt nốt như rượu thốt nốt, nước thốt nốt, chè, thạch, bánh, mứt, nước màu và các sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ lá thốt nốt...

Nghề dệt thổ cẩm

Bên cạnh nghề làm đường thốt nốt của đồng bào Khmer, cộng đồng người Chăm ở An Giang luôn chú trọng công tác bảo tồn và phát huy nghề dệt thổ cẩm truyền thống. Đây là một trong những nghề truyền thống có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, gắn liền với quá trình cư trú, canh tác và tổ chức đời sống xã hội của người Chăm tại địa phương.

Nét đặc sắc của nghề dệt thổ cẩm Chăm thể hiện ở kỹ thuật dệt tinh xảo, đặc biệt là sự kết hợp hài hòa giữa “go nền và go hoa văn”. Tùy theo từng loại họa tiết, số lượng khung go được sử dụng có sự khác biệt, đòi hỏi người thợ phải có kỹ năng tốt và nhiều kinh nghiệm. Chẳng hạn, hoa văn dạng bông dậu cần đến 12 khung go, hoa văn mắt xích sử dụng 10 khung go, dạng mắc võng cần 9 khung go, trong khi các hoa văn con thoi hoặc cánh quạt thường sử dụng 8 khung go (Phong Điệp & Thanh Bình, 2024). Do đặc tính sợi tơ và sợi chỉ mảnh, dễ đứt, người Chăm không sử dụng go lược bằng kẽm mà thay bằng go lược chỉ, giúp sợi dệt khít hơn, bề mặt vải mịn và sắc nét hơn. Đây là cải tiến kỹ thuật mang tính kinh nghiệm, thể hiện tri thức được tích lũy và truyền dạy qua nhiều thế hệ.

Bên cạnh kỹ thuật dệt, màu sắc và hoa văn là yếu tố tạo nên giá trị thẩm mỹ đặc trưng của thổ cẩm Chăm. Người Chăm sử dụng khung dệt bằng gỗ và hoàn toàn dệt thủ công. Sợi tơ được nhuộm bằng các nguyên liệu tự nhiên, vừa đảm bảo độ bền màu, vừa an toàn cho người sử dụng, qua đó tạo dấu ấn riêng biệt, khó trộn lẫn với các sản phẩm dệt ở những địa phương khác. Thổ cẩm Chăm nổi bật với các gam màu rực rỡ như chàm, đỏ, vàng, xanh lá cây... Các họa tiết và hoa văn trên sản phẩm mang ý nghĩa biểu trưng sâu sắc, phản ánh mối quan hệ giữa con người với

thiên nhiên, tôn giáo và đời sống xã hội. Những hình ảnh quen thuộc như thánh đường Hồi giáo, phong cảnh thiên nhiên, cùng các họa tiết sóng nước, vân mây, ô vuông, kẻ sọc, lồng đèn, bông dâu... được thể hiện sinh động trên từng sản phẩm, tạo nên ngôn ngữ tạo hình đặc thù của văn hóa Chăm.

Nghề chế biến nước mắm

Trước khi sáp nhập với tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang (cũ) nằm ở cực Tây Nam của Tổ quốc, giữ vị trí địa chính trị - kinh tế đặc biệt quan trọng, với không gian địa lí đa dạng bao gồm biển đảo, núi rừng, đồng bằng cùng hệ thống đường biên giới trên bộ và trên biển giáp với Campuchia. Trong số các nghề truyền thống của Kiên Giang, nghề chế biến nước mắm Phú Quốc có lịch sử hình thành lâu đời và mang lại nhiều giá trị, gắn liền với hoạt động đánh bắt cá ven biển của ngư dân trên đảo Phú Quốc. Điểm đặc sắc của nước mắm Phú Quốc thể hiện ở quy trình sản xuất, kỹ thuật chế biến và hệ thống tri thức nghề được tích lũy, truyền dạy qua nhiều thế hệ. Nước mắm được sản xuất theo phương pháp gài nén truyền thống, trong đó cá cơm được ướp muối ngay trên tàu đánh bắt, sau đó tiếp tục muối và ủ chượp trong các thùng gỗ lớn đặt trong nhà thùng kín gió, tối và có nhiệt độ ổn định, trung bình khoảng 27,5°C (Anh Huy, 2021). Chính điều kiện nhiệt độ đặc thù này đã quyết định đến màu sắc, hàm lượng đạm và hương vị đặc trưng của nước mắm Phú Quốc.

Nguyên liệu sử dụng trong sản xuất nước mắm Phú Quốc được lựa chọn nghiêm ngặt. Nguồn nước dùng trong quá trình chế biến được lấy từ giếng khoan sâu trên 100m, có độ pH tự nhiên phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân giải enzym, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm. Bên cạnh yếu tố kỹ

thuật, nghề nước mắm ở Phú Quốc còn tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc như không đánh bắt cá trong mùa sinh sản, không thay thế cá cơm bằng các loại cá khác, giữ ổn định mùi vị, màu sắc truyền thống của sản phẩm. Việc duy trì nghiêm ngặt các nguyên tắc này góp phần bảo tồn tri thức nghề, khẳng định uy tín và giá trị thương hiệu của nước mắm Phú Quốc qua hàng trăm năm. Nghề chế biến nước mắm không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân trong nước mà còn xuất khẩu ra nhiều thị trường trên thế giới.

2. Phát triển nghề truyền thống gắn với kinh tế xanh ở An Giang hiện nay

Trong bối cảnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững, vai trò của nghề truyền thống và làng nghề trở nên đặc biệt quan trọng. Trên thực tế, làng nghề thủ công truyền thống gắn liền với lịch sử phát triển nền văn hóa cũng như lịch sử phát triển kinh tế của nước nhà (Bùi Văn Vượng, 1998, 8). Việc bảo tồn và phát huy văn hóa nghề, bao gồm phong tục, giá trị thẩm mỹ, kỹ nghệ thủ công và hệ thống truyền dạy nghề là điều kiện quan trọng để chuyển đổi nghề truyền thống theo hướng xanh hóa sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng và tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trong bối cảnh biến đổi kinh tế - xã hội hiện nay.

Đối với tỉnh An Giang, nghề thủ công truyền thống không chỉ liên quan trực tiếp đến sinh kế của người dân mà còn phản ánh bản sắc, truyền thống văn hóa của cộng đồng. Những sản phẩm của làng nghề không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt vật chất hằng ngày mà còn đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ, niềm tin tôn giáo và triết lý của tộc người về tự nhiên, xã hội, cuộc sống, thế giới tâm linh, niềm tin, tín ngưỡng của con người... Trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là các

để án, chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa nói chung và bảo tồn, phát huy văn hóa làng nghề, nghề thủ công nói riêng, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã xây dựng, ban hành nhiều chính sách với những cơ chế ưu đãi nhằm hỗ trợ, đẩy mạnh sự phát triển của các làng nghề gắn với nghề thủ công truyền thống. Trước thời điểm sáp nhập, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (cũ) đã ban hành các quyết định như: Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 về ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang; Kế hoạch số 591/KH-UBND ngày 21/01/2022 về phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 448/KH-UBND ngày 5/6/2023 về phát triển ngành nghề nông thôn, bảo tồn và phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025.

Đối với tỉnh Kiên Giang (cũ), ngày 20/06/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 phê duyệt Đề án “Phát triển các ngành nghề truyền thống gắn với du lịch tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”. Theo nội dung Đề án, mục tiêu đến năm 2025 sẽ đưa các nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh vào khai thác phục vụ phát triển du lịch. Các làng nghề được lựa chọn bao gồm: Nghề sản xuất nước mắm tại Phú Quốc và Kiên Hải, nghề nuôi cấy trai ngọc ở Phú Quốc, nghề sản xuất rượu sim Phú Quốc, nghề đan cỏ bàng truyền thống tại Giang Thành; nghề trồng và chế biến hồ tiêu ở Phú Quốc, nghề làm khô tại Kiên Hải, Phú Quốc và Hà Tiên... Việc lựa chọn các làng nghề này dựa trên tiêu chí về giá trị văn hóa, tính đặc trưng nghề nghiệp, khả năng tổ chức không gian trải nghiệm và tiềm

năng kết nối với các tuyến, điểm du lịch hiện có.

Trong bối cảnh mở rộng không gian địa giới hành chính, hội nhập, giao lưu toàn cầu, sự phát triển của internet, mạng xã hội đã mở ra điều kiện thuận lợi để các làng nghề và nghề thủ công truyền thống ở tỉnh An Giang chuyển mình, đổi mới và phát triển, đóng góp tích cực vào kinh tế xanh của tỉnh, cụ thể:

Một là, sử dụng nguyên liệu tự nhiên, tái tạo và công nghệ sạch. Phần lớn nghề truyền thống ở An Giang gắn trực tiếp với nguồn nguyên liệu tự nhiên, tái tạo của hệ sinh thái địa phương. Nghề nấu đường thốt nốt khai thác mật từ cây thốt nốt - một loại tài nguyên tái sinh, cây không bị chặt mà tiếp tục sinh trưởng, vừa cho bóng mát. Nghề dệt thổ cẩm Chăm ở Châu Phong chủ yếu dùng sợi bông, sợi tơ và thuốc nhuộm lấy từ vỏ cây, lá cây, vỏ trái cây, mù cây... nên mức độ phụ thuộc vào hóa chất công nghiệp thấp, phù hợp với tiêu chí nguyên liệu “xanh”.

Việc sử dụng các loại nguyên liệu này có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế xanh. *Một mặt*, giảm áp lực lên tài nguyên công nghiệp, không đòi hỏi những chuỗi cung ứng dài, tiêu tốn nhiều năng lượng trong khai thác - chế biến; *mặt khác*, quá trình thu hái - tái sinh nếu được quản lý tốt sẽ duy trì hoặc thậm chí củng cố đa dạng sinh học địa phương (tre, trúc, dừa, thốt nốt, lục bình...).

Hai là, tạo việc làm và sinh kế bền vững cho cộng đồng. Số liệu thống kê cho thấy, 29 làng nghề, làng nghề truyền thống của An Giang đã tạo việc làm cho khoảng 12.200 lao động, với thu nhập bình quân khoảng 8 triệu đồng/người/tháng; doanh thu của các làng nghề đạt 168 tỷ đồng (Quốc Phong, 2023). Đặc biệt, cơ cấu lao động của các làng nghề cho thấy sự tham gia đông đảo của phụ nữ, người cao tuổi và người dân tộc thiểu số. Ở làng dệt thổ

cắm Chăm Châu Phong, phần lớn thợ dệt là phụ nữ Chăm, nhiều gia đình đã có 2-3 thế hệ gắn bó với nghề này.

Ba là, đóng góp cho du lịch xanh và kinh tế văn hóa. An Giang được định vị là điểm đến du lịch tâm linh - sinh thái của vùng Đồng bằng sông Cửu Long; trong cấu trúc đó, làng nghề truyền thống là một cấu phần quan trọng của “kinh tế văn hóa” và “du lịch xanh”. Các làng nghề như dệt thổ cẩm Châu Phong, dệt lụa Tân Châu, làm mắm Châu Đốc, nấu đường thốt nốt, chế biến nước mắm... đã và đang trở thành điểm dừng chân trong các tour tham quan, trải nghiệm văn hóa bản địa. Ở làng dệt thổ cẩm Châu Phong - được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia năm 2023, khách du lịch có thể trực tiếp được xem quy trình dệt, tự tay dệt thử, mua sản phẩm thổ cẩm và thưởng thức ẩm thực Chăm.

Bốn là, góp phần duy trì hệ sinh thái văn hóa - xã hội của cộng đồng An Giang. Đây là tác động tích cực của nghề truyền thống đối với kinh tế xanh ở An Giang. Trên thực tế, nghề truyền thống luôn gắn liền với lịch sử cư trú, tôn giáo, phong tục, lễ hội và tri thức bản địa của từng cộng đồng. Thông qua quá trình truyền nghề trong gia đình, dòng tộc và làng xóm, tri thức nghề được bảo tồn và làm mới qua từng thế hệ. Trong bối cảnh kinh tế xanh nhấn mạnh sự hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và bảo tồn văn hóa, hệ sinh thái văn hóa - xã hội mà nghề truyền thống tạo dựng chính là một dạng hạ tầng mềm hỗ trợ quá trình chuyển đổi xanh.

Có thể thấy, ở An Giang nghề truyền thống không chỉ là “di sản quá khứ” mà đang vận hành như một thành phần đầy tiềm năng của chiến lược phát triển xanh. Đây là nền tảng quan trọng để tỉnh có thể xây dựng các mô hình

kinh tế xanh dựa trên văn hóa bản địa, thay vì chỉ dựa trên các ngành công nghiệp hoặc nông nghiệp quy mô lớn.

Những khó khăn, thách thức

Mặc dù giàu tiềm năng nhưng hệ thống làng nghề ở tỉnh An Giang đang phải đối mặt với 4 rào cản lớn:

Thứ nhất, tác động tiêu cực của quá trình biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đồng bằng sông Cửu Long nói chung, tỉnh An Giang nói riêng đã và đang phải đối diện với hiện tượng thời tiết cực đoan, nhất là quá trình biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, nước biển dâng. Điều này ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu, thu nhập của người dân. Một số làng nghề bị thu hẹp về quy mô, diện tích, thay đổi diện mạo không gian, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thứ hai, sự khan hiếm nguồn nguyên liệu đầu vào. Sự phát triển của nghề truyền thống phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu đầu vào, tuy nhiên hiện nay quá trình khai thác của nhiều ngành nghề, nhu cầu tiêu dùng của người dân ngày càng lớn cùng với quá trình dịch chuyển cơ cấu ngành nghề sang các ngành công nghiệp, dịch vụ nên nguồn nguyên liệu đầu vào của một số nghề truyền thống không đảm bảo, khan hiếm.

Thứ ba, đời sống của người dân làng nghề còn khó khăn. Mặc dù nghề thủ công được nhà nước, chính quyền hỗ trợ nhiều cơ chế, chính sách đặc thù nhưng hiện nay người dân không còn “mặn mà” làm nghề. Những năm gần đây, trên địa bàn An Giang, xu hướng di dân từ nông thôn ra thành thị, xuất khẩu lao động ngày càng gia tăng, trong khi đó số lượng nghề nhân, người giữ bí quyết truyền nghề ngày càng thưa vắng.

Thứ tư, thị trường tiêu dùng sản phẩm nghề

thủ công còn hạn chế. Trong bối cảnh xã hội có những chuyển động mạnh mẽ từ xã hội nông nghiệp sang công nghiệp hiện đại, một số làng nghề và nghề thủ công chậm thích ứng, thiếu những cải tiến về mẫu mã, loại hình sản phẩm... dẫn đến không tìm kiếm được thị trường tiêu thụ ổn định.

3. Giải pháp bảo tồn, phát huy nghề truyền thống ở An Giang gắn với phát triển kinh tế xanh thời gian tới

Một là, nâng cao nhận thức về vai trò và giá trị của nghề thủ công truyền thống. Nghề truyền thống là kết tinh của quá trình con người sáng tạo và thích ứng lâu dài với điều kiện tự nhiên - xã hội, tạo ra những sản phẩm mang tính thẩm mỹ, chức năng và bản sắc riêng. Những nghề này không chỉ phản ánh sự khéo léo, cần cù và tinh thần bền bỉ của người dân An Giang mà còn là biểu tượng của lịch sử, văn hóa và sự khác biệt của từng cộng đồng tộc người. Do đó, bảo tồn nghề không chỉ là bảo tồn sinh kế, mà còn là bảo tồn bản sắc, truyền thống và ký ức văn hóa của cộng đồng.

Hai là, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển nghề truyền thống theo hướng bền vững. Các giải pháp ưu tiên bao gồm cơ chế đầu tư, ưu đãi thuế, hỗ trợ vốn cho hộ gia đình, hợp tác xã và doanh nghiệp; đồng thời, xây dựng mô hình phối hợp hiệu quả giữa Nhà nước - cộng đồng - doanh nghiệp - thị trường trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Đối với những nghề có nguy cơ mai một, cần bố trí nguồn ngân sách để đầu tư hạ tầng, mở lớp truyền nghề, khuyến khích thế hệ trẻ tiếp cận và gìn giữ nghề.

Ba là, trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp sau sáp nhập, An Giang cần sớm xác định thương hiệu các làng nghề tiêu biểu, lựa chọn những nghề có lợi thế đặc trưng để xây dựng mô hình thí điểm phát triển. Điều này đòi hỏi tỉnh phải rà soát, xây dựng lại các đề án, kế hoạch và chiến lược phát triển nghề truyền thống theo nguyên tắc “bảo tồn đi đôi với phát triển”, đảm bảo sự hài hòa giữa truyền thống với hiện đại, giữa giá trị văn hóa với giá trị kinh tế.

Bốn là, cần gắn bảo tồn nghề truyền thống với phát triển du lịch văn hóa - sinh thái và du lịch cộng đồng. Để làm được điều đó, cần định vị rõ bản sắc không gian của từng làng nghề, đầu tư các khu trưng bày, không gian sản xuất - thực hành nghề và phát triển hệ thống dịch vụ lưu trú, trải nghiệm để thu hút du khách. Với lợi thế sở hữu nguồn tài nguyên văn hóa phong phú, trong đó có các làng nghề của cộng đồng Chăm, Khmer và người Kinh, An Giang hứa hẹn sẽ là điểm đến hấp dẫn, có khả năng tạo giá trị gia tăng lớn.

Năm là, việc tìm kiếm thị trường và ứng dụng công nghệ số là yếu tố quyết định tương lai nghề thủ công. Theo đó, các cơ quan chức năng cần nghiên cứu thị hiếu tiêu dùng, phân khúc thị trường trong và ngoài nước; đồng thời, có cơ chế hỗ trợ bao tiêu hoặc xây dựng mạng lưới phân phối ổn định. Mặt khác, nghệ nhân và người dân trong làng nghề phải chủ động đổi mới sáng tạo, đa dạng hóa mẫu mã, nâng cao chất lượng và áp dụng công nghệ số trong lưu giữ và quảng bá làng nghề ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anh Huy (2021), *Nghề làm nước mắm ở Phú Quốc - Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia*, <https://www.hcmcpv.org.vn/tin-tuc/nghe-lam-nuoc-mam-o-phu-quoc-di-san-van-hoa-phi-vat-the-quoc-gia-1491878638>

2. Bùi Văn Vượng (1998), *Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Phong Diệp & Thanh Bình (2024), *Bảo tồn và phát huy nghề dệt thổ cẩm của đồng bào Chăm tại An Giang*, báo Nhân Dân, <https://nhandan.vn/bao-ton-va-phat-huy-nghe-det-tho-cam-cua-dong-bao-cham-tai-an-giang-post831836.html>
4. Quốc Phong (2023), *An Giang bảo tồn, phát triển làng nghề truyền thống*, <https://daibieunhandan.vn/an-giang-bao-ton-phat-trien-lang-nghe-truyen-thong-post337968.html>
5. Trọng Tín (2024), *Nâng cao giá trị cây thốt nốt Bảy Núi*, báo An Giang, <https://baoangiang.com.vn/nang-cao-gia-tri-cay-thot-not-bay-nui-a401618.html>



GIỚI THIỆU SÁCH

SÁU ĐIỀU BÁC HỒ DẠY VỀ TƯ CÁCH NGƯỜI CÔNG AN CÁCH MỆNH - NỀN TẢNG XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN THẬT SỰ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH TOÀN DIỆN TRƯỚC NGŨNG CỦA KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

TÁC GIẢ: ĐẠI TƯỚNG, GS, TS TÔ LÂM

Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật

Năm xuất bản: 2024

Số trang: 303

Nhằm góp phần thực hiện tốt quy định về chuẩn mực đạo đức của cán bộ, chiến sĩ; xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách *Sáu điều Bác Hồ dạy về tư cách người công an cách mệnh - Nền tảng xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh toàn diện trước ngưỡng cửa kỷ nguyên phát triển mới* của Đại tướng, GS, TS Tô Lâm. Cuốn sách gồm ba chương, phân tích giá trị, ý nghĩa của Sáu điều Bác Hồ dạy về tư cách người công an cách mệnh - nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động của lực lượng Công an nhân dân; phương hướng, giải pháp tiếp tục đẩy mạnh học tập, thực hiện Sáu điều Bác Hồ dạy để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân đã, đang và sẽ mãi là di sản tinh thần quý báu, định hướng cho hoạt động, công tác, chiến đấu và chiến thắng của lực lượng Công an nhân dân anh hùng ■

LÊ THỦY giới thiệu